

KHGD NĂM HỌC 2025 – 2026 TỔ NHÀ TRẺ
ĐỘ TUỔI: 18-24 THÁNG, 24 - 36 THÁNG

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh
			Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
a. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp						
1.	18-24	- Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	* - Hô hấp: tập hít thở. - Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau	- Chân: Dạng sang 2 bên	1->10	
2.	24-36	- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên.	- Tay: Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng: vặn người sang 2 bên. - Chân: Co duỗi từng chân.		
b. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu						
3	18-24	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	* Tập đi, chạy: - Đi trong đường hẹp - Bước lên xuống bậc có vịn - Đi theo hiệu lệnh - Đi có vật trên tay	- Tập bước lên xuống thang - Đi bước qua dây(gậy) - Đi bước qua vật cản(cao 5cm)	1, 2,3,4,5, 6,7 8,9 ,10	
4	24-36	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Nhún bật tại chỗ - Chạy theo hướng thẳng - Đi kết hợp với chạy - Bước xa bằng hai chân - Đi bước vào các ô - Nhún bật về phía trước - Đi theo hiệu lệnh đi đều - Bước liên tục vào các ô vòng - Đi theo đường đích đặt - Chạy đổi hướng	- Bước tại chỗ - Đi bước qua gậy kê cao - Đứng co 1 chân - Đi theo đường ngoằn ngoèo		

5	18-24	- Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	- Tung bóng qua dây - Ném bóng trúng đích	- Lăn bóng với cô, bạn - Lăn bóng qua cổng	1,2,4,9,	
6	24-36	- Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.		- Tung bóng bằng 2 tay		
7	18-24	- Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bước lên xuống bậc có vịn Trườn qua vật cản	- Trườn về phía trước - Bò đến vật chuẩn - Bò tới đích - Bò chui dưới dây hoặc gậy kê cao - Trườn đến vật chuẩn		
8	24-36	- Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.		- Trườn chui qua cổng - Bò qua vật cản - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò theo đường ngoằn ngoèo(đích đặc)	1, 2,3,4,5, 6	
9	18-24	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	- Tung - bắt bóng cùng cô	-Ném bóng bằng một tay		
10	24-36	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).		- Ném bóng về phía trước	3, 8	

c. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt

11	18-24	- Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau. - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây	- Nhón nhặt đồ vật.	1-10	
12	24-36	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Lật mở trang sách. - Đóng cọc bàn gỗ. - Chắp ghép hình.	- Múa các động tác đơn giản theo cô - Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.		
13	18-24	- Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.		Chồng, xếp 4 -6 khối. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	1-10	
14	24-36	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		Chồng, xếp 6 -8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ.		

Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

15	18-24	- Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn trong trường mầm non và ở nhà.		1-10	
16	24-36	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.			
17	18-24	- Ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Trẻ có thói quen chỉ ngủ một giấc sau khi ăn	Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	1 - 6	
18	24-36	- Ngủ 1 giấc buổi trưa.		- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.		
19	18-24	- Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt	“Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	1 - 6	
20	24-36	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.		Trẻ biết đi vệ sinh đúng quy định		
		- Làm được một số việc với sự giúp	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống		

21	18-24	đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	nước + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	1-> 10	
22	24-36	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...) - Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.		Tập tự mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.		
23	18-24	- Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.		1-> 10	
24	24-36	- Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.				
25	18-24	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.		1,2,4,8,9,10	
26	24-36	- Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ,...) khi được nhắc nhở.				
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức						
a. Luyện tập và phối hợp các giác quan						
27	18-24	- Sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số	- Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh.	1->10	
28		- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của	kêu của một số	- Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết		

	24-36	đối tượng.	con vật quen thuộc. - Ném vị của một số quả, thức ăn	đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.		
<i>b. Nhận biết</i>						
29	18-24	- Bắt chước hành động đơn giản của những người thân. Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	- Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân. Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi		1, 2, 3	
30	24-36	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.	- Trẻ sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		
31	18-24	- Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Trẻ biết nói tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân		1, 3, 4	
32	24-36	- Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Trẻ biết nói tên, chức năng chính của một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.			
33	18-24	- Chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Trẻ chỉ/lấy/nói được tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		1,2,4,5, 6,7,8	
34	24-36	Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	Tên của phương tiện giao thông gần gũi. Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc.			
35	18-24	- Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, vàng - Số lượng (một-nhiều) - Kích thước (to - nhỏ)			

36	24-36	- Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.		- Màu xanh Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.	1,2,3,4,5,6,7	
----	-------	--	--	---	---------------	--

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

A. Nghe

37	18-24	- Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	1=>10	
38	24-36	- Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.		
39	18-24	- Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ”,...		- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	1=>10	
40	24-36	- Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”,...)		- Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?		
41	18-24	- Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”, ...		- Nghe các câu hỏi: ở đâu?, con gì?,... thế nào? (gà gáy thế nào?), cái gì? làm gì?	1=>10	
42	24-36	- Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.		

B. Nói

43	18-24	- Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi, ...	- Phát âm các âm khác nhau		1=>10	
44	24-36	- Phát âm rõ tiếng.				
45	18-24	- Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	1=>10	
46	24-36	- Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. Kể lại đoạn truyện		

				được nghe nhiều lần, có gợi ý.		
47	18-24	- Nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm; ...		- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: con gì?, cái gì?, làm gì?	2=>10	
48	24-36	- Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...		
49	18-24	- Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn ...)	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	1=>10	
50	24-36	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.		
51	24-36	- Nói to, đủ nghe, lễ phép.		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	4=>10	

C. Làm quen với sách

52	18-24	- Làm quen với sách		- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	1=>10	
53	24-36	- Làm quen với sách		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.		

4. Lĩnh vực phát triển TC&KNXH và thẩm mỹ.

		- Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh	- Ý thức về bản thân	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản		
--	--	---	----------------------	-----------------------------------	--	--

54	18-24	(chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).		thân.		
55	24-36	- Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).		- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	3	
56	18-24	- Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	1, 2	
57	24-36	- Thể hiện điều mình thích và không thích.		- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.		
58	18-24	- Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.		- Giao tiếp với cô và bạn.	1=>10	
59	24-36	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh. Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.		
60	18-24	- Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	3, 5	
61	24-36	- Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.		- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. Quan tâm đến các con vật nuôi		
62	18-24	- Chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Thực hiện hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	1=>10	
63	24-36	- Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.		- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”,		

				“vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.		
64	18-24	- Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi	1=>10	
65	24-36	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)		- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.		
66	18-24	- Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.	1=>10	
67	24-36	- Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn		
68	24-36	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp như: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	1=>10	
69	18-24	- Thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1=>10	
70	24-36	- Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.		- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.		

				- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.		
71	18-24	- Thích vẽ, xem tranh.	- Trẻ thích xem tranh	- Tập cầm bút vẽ.	1=>10	
72	24-36	- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.		

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ hội	Điều chỉnh
	1	Trường	Khám phá trường của bé	1		

3 Tuần (Từ ngày: 15/09-03/10/2025)		Mầm non số 2 Na Tông	Bé và các bạn trong lớp	1		
			Cô giáo và những hoạt động ở trường	1		
				1		
4 Tuần (Từ ngày 06/10-31/10/2025)	2	Đồ dùng đồ chơi của bé - Tết Trung Thu	Bé vui đón tết Trung Thu	1	Tết Trung Thu	
			Đồ dùng của bé			
			Bé với đồ chơi yêu thích	1		
			Bé với đồ chơi yêu thích	1		
4 Tuần (từ 03/11 đến 28/11/2025)	3	Bản thân - Ngày hội của cô giáo	Bé là ai	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
			Cơ thể kỳ diệu của bé	1		
			Ngày hội của cô giáo	1		
			Trang phục của bé	1		
3 Tuần (từ 01/12 đến 19/12/2025)	4	Mẹ và gia đình thân yêu của bé	Mẹ của bé	1		
			Những người thân yêu trong gia đình của bé	1		
			Đồ dùng trong gia đình bé	1		
4 Tuần (từ 22/12/2025 đến 16/01/2026)	5	Những con vật đáng yêu	Những người bạn nhỏ	1	- Ngày thành lập quân đội ND Việt Nam – Tết Mông	
			Con vật nuôi trong gia đình	1		
			Con vật sống dưới nước	1		
			Những con vật sống trong rừng	1		
3 Tuần (từ 19/01 đến 06/02/2026)	6	Cây và những bông hoa đẹp	Bé yêu cây xanh	1		
			Vườn rau của bé	1		
			Những bông hoa đẹp	1		
4 Tuần (Từ 09/02 đến 13/03/2026)	7	Ngày tết vui vẻ - Ngày hội 8/3	Mùa xuân đến rồi	1	Tết nguyên đán - Ngày 8/3	
			Bé vui đón tết	1		
			Ngày hội 8/3	1		
			Bé yêu mùa xuân	1		
4 Tuần (từ ngày 16/03 đến 10/04/2026)	8	Bé đi khắp nơi bằng PT gì	PTGT đường bộ	1		
			PTGT đường bộ	1		
			PTGT đường thủy	1		
			PTGT đường hàng không	1		
3 Tuần (từ 13/04 đến 08/05/2026)	9	Bé yêu mùa hè	Dấu hiệu mùa hè	1		
			Sự kỳ diệu của mùa hè	1		
			Mùa hè thật vui	1		
			Tuần ôn	1		
3 Tuần (từ	10		Bé lên mẫu giáo	1		

11/05 đến 29/05/2026)		Bé lên mẫu giáo	Lớp mẫu giáo có gì hay	1	- Tổng kết năm học	
			Khám phá lớp học của bé	1		

HIỆU TRƯỞNG

Ngày 08 tháng 09 năm 2025
GIÁO VIÊN

Vũ Thị Nhớ

Lò Thị Loan